

**TỔNG CÔNG TY
XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017	8 – 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 – 40

23
CƠ
T
TỔNG
CƠ
TỔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm đã được soát xét của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Dũng	Chủ tịch
Ông Lê Hữu Việt Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Công Khai	Thành viên
Ông Lê Thành	Thành viên
Ông Phan Văn Vũ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Trần Thị Tố Loan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Kiểm soát viên
Bà Trần Thị Tuyết	Kiểm soát viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Hữu Việt Đức	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trung Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Tấn Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Mạnh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp cũng như kết quả kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính tổng hợp được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP [ABC] VÀ [CÁC] CÔNG TY CON

[Địa chỉ: 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam]

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính tổng hợp.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Hữu Việt Đức

Tổng giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2017

Số: 01-2018/BCSX-RSM HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26 tháng 08 năm 2017, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.



Đặng Thị Hồng Loan

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
0425-2016-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
 Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.547.313.207.437	4.514.104.229.560
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	752.576.309.441	894.243.133.839
1. Tiền	111		423.185.513.468	245.516.121.507
2. Các khoản tương đương tiền	112		329.390.795.973	648.727.012.332
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		242.171.839.194	330.171.839.194
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	242.171.839.194	330.171.839.194
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.115.835.756.800	2.258.319.283.881
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	821.741.391.007	1.098.708.478.065
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	957.285.611.443	1.044.246.633.401
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.8	120.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	216.808.754.350	115.903.665.415
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(539.493.000)
IV. Hàng tồn kho	140		1.214.972.851.682	794.692.902.403
1. Hàng tồn kho	141	4.6	1.214.972.851.682	794.692.902.403
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		221.756.450.320	236.677.070.243
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.7	42.395.024.395	27.845.664.849
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		143.513.908.233	175.977.648.162
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	35.847.517.692	29.686.615.665
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	3.167.141.567
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.780.771.931.896	3.500.021.632.397
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		653.339.677.945	885.067.203.115
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	4.8	531.044.050.644	770.941.234.492
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	122.295.627.301	114.125.968.623
II. Tài sản cố định	220		364.702.282.052	404.707.476.923
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	269.176.084.592	306.586.114.079
Nguyên giá	222		398.341.461.028	461.623.897.110
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129.165.376.436)	(155.037.783.031)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		1.856.891.927	2.167.813.367
Nguyên giá	225		3.731.057.272	3.731.057.272
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.874.165.345)	(1.563.243.905)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	93.669.305.533	95.953.549.477
Nguyên giá	228		114.033.022.826	114.369.022.826
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20.363.717.293)	(18.415.473.349)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.11	7.330.846.503	-
1. Nguyên giá	231		7.355.364.385	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(24.517.882)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.472.930.425.614	1.046.294.133.294
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.12	1.472.930.425.614	1.046.294.133.294
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.276.981.110.786	1.151.219.680.047
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.2	577.095.974.258	403.607.674.258
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	598.489.036.676	679.632.435.919
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	101.396.099.852	67.979.569.870
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.487.588.996	12.733.139.018
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	5.487.588.996	12.733.139.018
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		8.328.085.139.333	8.014.125.861.957

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCPĐịa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)

Tại ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		7.094.946.461.536	6.694.130.476.987
I. Nợ ngắn hạn	310		3.273.453.354.174	3.741.315.012.598
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.13	341.315.009.836	572.932.665.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.14	1.059.940.212.072	606.145.905.799
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.15	237.010.976	5.176.933.742
4. Phải trả người lao động	314		34.816.883.510	42.431.491.442
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	183.186.470.499	201.470.290.326
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	6.816.662.150	14.070.664.542
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.20	1.625.551.748.461	2.256.233.349.915
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.589.356.670	42.853.711.358
II. Nợ dài hạn	330		3.821.493.107.362	2.952.815.464.389
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.13	219.688.985.498	204.179.757.904
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.14	453.074.384.682	203.327.013.884
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.16	23.446.236.988	22.868.655.624
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.18	60.169.761.708	60.893.578.228
5. Phải trả dài hạn khác	337	4.17	443.959.479.901	33.668.571.314
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.20	2.568.291.527.661	2.375.015.156.511
7. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.19	52.862.730.924	52.862.730.924
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.233.138.677.797	1.319.995.384.970
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.21	1.233.138.677.797	1.319.995.384.970
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		110.497.485.118	110.497.485.118
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	72.479.059.968
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	32.653.207.213
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.641.192.679	4.365.632.671
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		3.802.278.052	-
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.838.914.627	4.365.632.671
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.328.085.139.333	8.014.125.861.957


Trần Thị Ngọc Thùy
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2017


Huỳnh Anh Dũng
Kế toán trưởngLê Hữu Việt Đức
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCPĐịa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.517.780.586.513	2.264.623.128.261
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	4.23	1.517.780.586.513	2.264.623.128.261
3. Giá vốn hàng bán	11	4.24	1.443.672.591.420	2.166.056.712.899
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.107.995.093	98.566.415.362
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.25	69.942.015.656	25.345.697.405
6. Chi phí tài chính	22	4.26	99.181.174.702	58.718.575.321
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		98.848.378.947	58.363.774.821
7. Chi phí bán hàng	25		3.927.203.982	2.258.039.692
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.27	34.894.626.634	31.879.213.970
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.047.005.431	31.056.283.784
10. Thu nhập khác	31	4.28	13.819.137.515	522.724.595
11. Chi phí khác	32		1.027.228.319	907.407.651
12. Lợi nhuận khác	40		12.791.909.196	(384.683.056)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.838.914.627	30.671.600.728
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.838.914.627	30.671.600.728


Trần Thị Ngọc Thủy
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2017


Huỳnh Anh Dũng
Kế toán trưởng**Lê Hữu Việt Đức**
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		18.838.914.627	30.671.600.728
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.29	19.054.821.923	17.768.999.983
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(72.791.572.366)	(12.359.769.021)
Chi phí lãi vay	06	4.26	98.848.378.947	58.363.774.821
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		63.950.543.131	94.444.606.511
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		338.338.811.531	451.873.652.158
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(443.980.143.308)	(11.631.320.034)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		818.511.468.524	(384.404.520.690)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(9.139.440.065)	4.712.595.019
Tiền lãi vay đã trả	14		(134.274.587.390)	(77.258.325.090)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.297.192.947)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		83.735.018	1.730.450.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(53.917.561.901)	(7.601.016.506)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		575.275.632.593	71.866.121.368
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(406.560.041.245)	(355.599.998.688)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(12.102.816.152)	(215.229.889.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		220.000.000.000	116.039.976.991
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(143.334.693.000)	(2.278.125.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.224.622.179	14.267.220.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(284.772.928.218)	(442.799.361.562)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCPĐịa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.31	1.948.868.052.321	3.046.681.726.808
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.32	(2.380.365.577.906)	(2.630.256.258.501)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(672.003.188)	(728.081.403)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(432.169.528.773)	415.697.386.904
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	50		(141.666.824.398)	44.764.146.710
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		894.243.133.839	864.931.107.064
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70		752.576.309.441	909.695.253.774

Trần Thị Ngọc Thùy
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2017

Huỳnh Anh Dũng
Kế toán trưởng**Lê Hữu Việt Đức**
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trước đây là Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – TNHH Một thành viên, tiền thân là một doanh nghiệp nhà nước. Ngày 01 tháng 11 năm 2016, Tổng Công ty đã cổ phần hóa chuyển thành công ty cổ phần có tên là Tổng Công ty Xây Dựng Số 1 – CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301429113 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau khi chuyển thành công ty cổ phần là 1.100.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn nhà nước	445.835.000.000	40,53%	445.835.000.000	40,53%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	209.000.000.000	19,00%	209.000.000.000	19,00%
Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh Nam Thịnh	165.000.000.000	15,00%	165.000.000.000	15,00%
Công ty Cổ Phần Top American Việt Nam	121.000.000.000	11,00%	121.000.000.000	11,00%
Nhà đầu tư khác	159.165.000.000	14,47%	159.165.000.000	14,47%
Cộng	1.100.000.000.000	100%	1.100.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 1166, trong đó lao động thời vụ là 447 (01/01/2017: 1.257, trong đó lao động thời vụ là 132).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, bất động sản.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Xây lắp, xây dựng và thi công lắp đặt thiết bị máy móc công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, nền móng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện;
- Tư vấn xây dựng, đầu tư xây dựng, kinh doanh điện năng. Kinh doanh khai thác cảng biển, kinh doanh nhà;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, căn hộ;
- Mua bán vật tư;
- Thiết kế xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Kinh doanh bất động sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được tính từ thời điểm mua nguyên vật liệu để tham gia vào quy trình xây dựng đến khi công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Tổng Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:		
Công ty Cổ phần Xây dựng Số Một Việt Nguyên	200/1/51, Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Số Một Việt Quang	Số 34-36 Đường số 2, Khu dân cư CityLand, Phường 5, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	51,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Số Một Việt Hưng	Số 491 A2 Đường Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	Số 939A Xa lộ Hà Nội, Khu phố Bình Dương, Phường Long Bình Tân, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai	72,42%
Công ty TNHH BT Đúc sẵn VINA-PSMC	Lô 1699, Cụm Công Nghiệp Long Định, Huyện Cần Đước, Tỉnh Long An	70,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	Tầng 2, Tòa nhà Lexington, 67 Mai Chí Thọ, Phường An Phú, Quận 2, TP. HCM	51,00%
Công ty liên doanh, liên kết:		
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrith	88 Lê Duẩn, Phường Nghĩa Tân, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông	40,07%
Công ty Cổ phần Bê Tông Biên Hòa	Đường 1A KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	40,92%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	Lầu 5, số nhà 35, đường Hai Bà Trưng, Phường Lê Hồng Phong, TP Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	22,38%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh vật tư (C&T)	Số 9-19 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	36,17%
Công ty Cổ phần Xây dựng Số Một Việt Tổng	168/38C Đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	20,40%
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhân Phúc Đức	Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	34,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng Số Một Việt Sơn	Lầu 1, Chung cư 24A Đường D5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	29,91%
Công ty Cổ phần Chương Dương	328 Võ Văn Kiệt, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	23,77%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh nhà Cửu Long	Số 351 Nơ Trang Long, Phường 13, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	22,00%
Công ty LD Lenex	Đường số 1, P. An Bình, Tp. BH, Đồng Nai	50,00%

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã chuyển khoản đầu tư liên kết vào Công ty CP Xây dựng Số 14 sang đầu tư góp vốn vào đơn vị khác do thay đổi tỷ lệ góp vốn từ 28,90% xuống còn 19,60%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2017 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội	Số 45, ngõ 61, ngách 17, phố Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty xây dựng số 1 – CTCP tại Miền Trung	100 Hồ Tùng Mậu, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp năm 2016.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tiền mặt	19.013.602.652	8.530.309.395
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	404.171.910.816	236.985.812.112
Các khoản tương đương tiền	329.390.795.973	648.727.012.332
Cộng	752.576.309.441	894.243.133.839

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 3 tháng với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,7%/năm.

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới 11 tháng tại thời điểm 30/06/2017 với lãi suất từ 4,78%/năm đến 6,4%/năm.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn này đã dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Đầu tư Phát triển Việt Nam là 1.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.20.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCPĐịa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017				Tại ngày 01/01/2017			
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con:								
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	2.040.000	12.773.029.273		-	2.040.000	12.773.029.273	12.773.029.273	-
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	1.598.700	23.871.913.905		-	1.598.700	25.470.613.905	25.470.613.905	-
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	2.550.000	29.129.572.383		-	2.187.900	25.508.572.383	25.508.572.383	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	44.055.600	440.555.997.718		-	30.989.000	309.889.997.718	309.889.997.718	-
Công ty TNHH BT Đức Sản VINA – PSMC	-	29.965.460.979		-	-	29.965.460.979	29.965.460.979	-
Công ty CP ĐT XD Số 1 Mê Kông	4.080.000	40.800.000.000		-	-	-	-	-
Cộng	54.324.300	577.095.974.258		-	36.815.600	403.607.674.258	403.607.674.258	-

(Xem tiếp trang sau)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCPĐịa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2017				Tại ngày 01/01/2017			
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:								
Công ty CP Thủy điện Đak'rtih	40.069.660	474.877.044.656	-	-	40.069.660	524.403.712.990	524.403.712.990	-
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	1.841.282	4.234.948.600	5.892.102.400	-	1.841.282	4.234.948.600	4.234.948.600	-
Công ty CP Xây dựng & Khai thác VLXD Miền Trung	373.500	-	-	-	373.500	-	-	-
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh Vật Tư (C&T)	3.621.850	9.054.625.000	6.157.145.000	-	3.621.850	9.054.625.000	9.054.625.000	-
Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Tổng	204.000	-	-	-	204.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức	5.100.000	64.068.750.000	-	-	5.100.000	64.068.750.000	64.068.750.000	-
Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Sơn	184.800	2.425.448.124	-	-	184.800	2.427.808.096	2.427.808.096	-
Công ty CP Chương Dương	3.733.348	38.453.484.400	57.680.226.600	-	3.733.348	42.186.832.400	42.186.832.400	-
Công ty CP Xây dựng & KD Nhà Cửa Long	436.800	5.374.735.896	-	-	436.800	5.549.425.318	5.549.425.318	-
Công ty CP Xây dựng Số 14	-	-	-	-	1.611.900	27.706.333.515	27.706.333.515	-
Công ty Liên Doanh Lenex	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	55.565.240	598.489.036.676	-	-	57.177.140	679.632.435.919	679.632.435.919	-

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCPĐịa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**

	Tại ngày 30/06/2017 VND				Tại ngày 01/01/2017 VND			
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ sau khi XĐGTDN	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:								
Công ty CP Xây dựng Miền Đông	2.104.843	18.943.587.000	25.258.116.000	-	2.104.843	19.996.008.500	19.996.008.500	-
Công ty TNHH ĐT BT Cam Lộ Túy Loan	-	40.645.400.000	-	-	-	32.647.707.000	32.647.707.000	-
Công ty CP XD & SXVL Xây Dựng	1.093.963	12.765.320.498	-	-	1.093.963	13.194.445.531	13.194.445.531	-
Công ty CP XD Số Một Việt Hòa	180.000	2.141.408.839	-	-	180.000	2.141.408.839	2.141.408.839	-
Công ty CP XD Số 14	1.611.900	26.900.383.515	-	-	-	-	-	-
Cộng	4.990.706	101.396.099.852	-	-	3.378.806	67.979.569.870	67.979.569.870	-

Đối với các khoản đầu tư vào các Công ty có giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty này trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.

Riêng đối với các khoản đầu tư của các Công ty còn lại, tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý vào các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Tổ hợp nhà thầu JGCS	273.562.288.299	237.473.700.565
Công ty CP Đầu Tư & Kinh Doanh Nước Sạch Sài Gòn (SWIC)	26.442.801.548	69.219.299.747
Các khách hàng khác	424.300.504.873	733.187.597.947
Phải thu từ bên liên quan – Xem thêm mục 4.33	97.435.796.287	58.827.879.806
Cộng	<u>821.741.391.007</u>	<u>1.098.708.478.065</u>

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Lương Tài	83.732.618.092	85.719.197.990
Công ty CP Kỹ Thuật và Thiết Bị Y Tế Sài Gòn	143.773.670.000	143.773.670.000
Các khách hàng khác	551.689.971.271	544.176.254.801
Trả trước người bán là các bên có liên quan – Xem thêm mục 4.33	178.089.352.080	270.577.510.610
Cộng	<u>957.285.611.443</u>	<u>1.044.246.633.401</u>

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	78.813.406.275	7.132.002.954
Tạm ứng	104.510.942.353	72.365.686.329
Các khoản phải thu khác	33.484.405.722	36.405.976.132
	216.808.754.350	115.903.665.415
Cộng		
Trong đó: Phải thu từ bên liên quan – Xem thêm mục 4.33	72.102.768.566	1.997.861.324
Dài hạn:		
Các khoản chi hộ Công ty CP Thủy điện Đăk'r'tih	32.220.654.696	32.220.654.696
Phải thu của Công ty An Thịnh từ phần đầu tư DA KDC Hạnh Phúc	77.798.522.507	77.798.522.507
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.129.801.925	3.829.801.925
Chi hộ Công ty CP ĐT & XD Cầu Đồng Nai	-	137.457.392
Công ty CP Chương Dương – Phí quản lý vay ADB	373.367.726	-
Công ty CP XD Số Một Việt Hưng – Phí quản lý vay ADB	267.209.041	139.532.103
Phải thu khác	7.506.071.406	-
	122.295.627.301	114.125.968.623
Cộng		
Trong đó: Phải thu từ bên liên quan – Xem thêm mục 4.33	40.331.735.850	32.497.644.191

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2017 VND		Tại ngày 01/01/2017 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.685.566.265	-	20.600.607.934	-
Công cụ, dụng cụ	243.136.872	-	123.770.806	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.148.862.141.490	-	694.386.613.159	-
Thành phẩm	-	-	10.258.969.756	-
Hàng hóa	31.405.453.422	-	41.588.413.911	-
Hàng hóa bất động sản	27.776.553.633	-	27.734.526.837	-
	1.214.972.851.682	-	794.692.902.403	-

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đến ngày 30/06/2017 là chi phí có liên quan đến các công trình xây dựng dở dang được chi tiết theo công trình như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công trình Bệnh viện Nhi Đồng Tp.Hồ Chí Minh	866.950.913.654	380.633.826.354
Công trình nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn	76.166.025.847	103.979.883.989
Công trình nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3	20.389.140.180	43.786.215.521
Công trình đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi gói A1	56.288.470.697	83.560.613.196
Công trình CW4A-hầm chui rào và đ.đẫn (Km16-> Km19)	11.325.112.166	4.392.408.178
Công trình CW3A-hầm chui rào và đ.đẫn (Km13-> Km16)	10.011.829.143	742.465.967
Công trình Cải tạo HT thoát nước Hàng Bàng - gói K	9.263.842.128	17.587.764.025
Các công trình khác	98.466.807.675	59.703.435.929
Cộng	1.148.862.141.490	694.386.613.159

4.7. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	339.940.634	628.414.111
Chi phí bảo lãnh ngân hàng chờ phân bổ	10.203.257.317	7.256.328.545
Chi phí khấu trừ thầu phụ	31.851.826.444	19.960.922.193
Cộng	42.395.024.395	27.845.664.849
Dài hạn:		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	88.488.488	120.360.760
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	410.114.761	548.968.595
Chi phí đấu thầu các công trình chờ kết quả	238.379.927	198.329.787
Chi phí xây dựng và sửa chữa	-	6.096.887.094
Giá trị nhãn hiệu của CC1 khi XĐ GTDN	4.750.605.820	5.768.592.782
Cộng	5.487.588.996	12.733.139.018

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Phải thu về cho vay

Là khoản cho các bên liên quan vay, thời hạn cho vay 54 tháng với lãi suất thả nổi bằng lãi suất cho vay dài hạn bằng đồng VND bình quân của Ngân hàng TMCP Công Thương VN, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN và Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội và thời hạn cho vay 15 năm với lãi suất LIBOR 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ khoản giảm trừ 0,1% và phí bảo hiểm kỳ hạn là 0,2%/năm. Số dư phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 lần lượt là 120.000.000.000 VND và 531.044.050.644 VND – Xem thêm mục 4.33.

(Xem tiếp trang sau)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCPĐịa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa. vật kiến trúc VND	Máy móc. thiết bị VND	Phương tiện vận tải. truyền dẫn VND	Thiết bị. dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2017	300.946.628.520	29.354.235.464	109.922.398.878	4.637.915.202	16.762.719.046	461.623.897.110
Mua trong kỳ	-	100.000.000	-	60.000.000	-	160.000.000
Góp vốn vào công ty con	-	(16.018.992.851)	(16.653.625.639)	-	-	(32.672.618.490)
Điều chỉnh giảm do bàn giao tài sản của chi nhánh cho công ty con	(1.942.560.000)	(1.362.556.798)	(11.271.829.930)	(66.651.818)	(16.126.219.046)	(30.769.817.592)
Tại ngày 30/06/2017	299.004.068.520	12.072.685.815	81.996.943.309	4.631.263.384	636.500.000	398.341.461.028
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2017	71.247.473.495	16.330.131.943	50.804.211.326	2.649.587.209	14.006.379.058	155.037.783.031
Khấu hao trong kỳ	6.442.726.131	1.039.537.529	7.933.885.140	521.115.161	497.874.696	16.435.138.657
Góp vốn vào công ty con	-	(10.396.272.139)	(7.547.239.617)	-	-	(17.943.511.756)
Điều chỉnh giảm do bàn giao tài sản của chi nhánh cho công ty con	(1.376.582.665)	(1.010.907.814)	(7.720.579.809)	(50.211.580)	(14.205.751.628)	(24.364.033.496)
Tại ngày 30/06/2017	76.313.616.961	5.962.489.519	43.470.277.040	3.120.490.790	298.502.126	129.165.376.436
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2017	229.699.155.025	13.024.103.521	59.118.187.552	1.988.327.993	2.756.339.988	306.586.114.079
Tại ngày 30/06/2017	222.690.451.559	6.110.196.296	38.526.666.269	1.510.772.594	337.997.874	269.176.084.592

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình lần lượt là 1.446.511.075 VND và 226.142.831.378 VND đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và cho các khoản vay dài hạn – Xem thêm mục 4.20.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.088.373.110 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2017	106.731.445.926	7.637.576.900	114.369.022.826
Điều chỉnh giảm do bàn giao tài sản của chi nhánh cho công ty con	-	(336.000.000)	(336.000.000)
Tại ngày 30/06/2017	106.731.445.926	7.301.576.900	114.033.022.826
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2017	16.009.716.873	2.405.756.476	18.415.473.349
Khấu hao trong kỳ	1.067.314.458	1.216.929.486	2.284.243.944
Điều chỉnh giảm do bàn giao tài sản của chi nhánh cho công ty con	-	(336.000.000)	(336.000.000)
Tại ngày 30/06/2017	17.077.031.331	3.286.685.962	20.363.717.293
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2017	90.721.729.053	5.231.820.424	95.953.549.477
Tại ngày 30/06/2017	89.654.414.595	4.014.890.938	93.669.305.533

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay dài hạn là 89.654.414.595 VND – Xem thêm mục 4.20.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Bất động sản đầu tư cho thuê:				
Nguyên giá:				
Quyền sử dụng đất	1.646.657.852	1.646.657.852	-	-
Cơ sở hạ tầng	5.708.706.533	5.708.706.533	-	-
Cộng	7.355.364.385	7.355.364.385	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Quyền sử dụng đất	5.488.860	5.488.860	-	-
Cơ sở hạ tầng	19.029.022	19.029.022	-	-
Cộng	24.517.882	24.517.882	-	-
Giá trị còn lại:				
Quyền sử dụng đất	5.689.677.511			-
Cơ sở hạ tầng	1.641.168.992			-
Cộng	7.330.846.503			-

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính giữa niên độ do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

4.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Mua sắm tài sản cố định	1.548.800.000	1.548.800.000
Xây dựng cơ bản dở dang	1.471.381.625.614	1.044.745.333.294
Cộng	1.472.930.425.614	1.046.294.133.294

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Chi tiết xây dựng cơ bản dở dang đến ngày 30/06/2017 là chi phí liên quan đến các dự án sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Dự án Khu dân cư Hạnh Phúc	897.318.045.980	787.725.196.584
Dự án Nối QL1-QL51-QL1K - cầu An Hào	465.208.122.457	195.636.927.249
Dự án Chung cư Felix Homes	55.023.735.024	12.629.741.529
Dự án BOT Cầu Đồng Nai	26.112.837.414	15.969.245.010
Dự án Cao ốc Sailing Tower	14.946.547.405	14.946.547.405
Các dự án khác	12.772.337.334	17.837.675.517
Cộng	<u>1.471.381.625.614</u>	<u>1.044.745.333.294</u>

Chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ này là 21.813.950.971 VND (Kỳ trước: 25.079.335.286 VND).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai từ dự án xây dựng Khu dân cư Hạnh Phúc và dự án xây dựng chung cư Felix Homes được thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại ngân hàng – Xem thêm mục 4.20.

(Xem tiếp trang sau)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCPĐịa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.13. Phải trả người bán**

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Công ty CP Cơ Điện Lạnh Nam Thịnh	41.428.056.139	41.428.056.139	-	-
Công ty TNHH TM & SX Thép Việt	10.708.510.519	10.708.510.519	49.810.474.374	49.810.474.374
Công ty CP XD & DV TM Việt Tuấn	663.663.680	663.663.680	44.222.608.666	44.222.608.666
Đối tượng khác	275.428.832.120	275.428.832.120	462.761.402.341	462.761.402.341
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.33	13.085.947.378	13.085.947.378	16.138.180.093	16.138.180.093
Cộng	341.315.009.836	341.315.009.836	572.932.665.474	572.932.665.474
Dài hạn:				
Công ty TNHH MTV CK-XD-TM-DV Trần Đắc	23.307.865.466	23.307.865.466	20.922.880.730	20.922.880.730
Phải trả cho các đối tượng khác	137.547.919.861	137.547.919.861	124.943.212.759	124.943.212.759
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.33	58.833.200.171	58.833.200.171	58.313.664.415	58.313.664.415
Cộng	219.688.985.498	219.688.985.498	204.179.757.904	204.179.757.904

(Xem tiếp trang sau)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.14. Người mua trả tiền trước**

	Tại ngày 30/06/2017		Tại ngày 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Công ty CP Xây Dựng và Quản Lý Dự Án Số 1	311.986.906.519	311.986.906.519	103.941.374.191	103.941.374.191
Ban Quản Lý Đầu Tư Xây Dựng các Công trình thuộc Sở Y Tế TP.HCM	360.665.859.013	360.665.859.013	102.620.639.756	102.620.639.756
Tổng Công ty Đầu Tư Phát Triển Đường Cao Tốc Việt Nam - TNHH MTV	53.877.662.675	53.877.662.675	75.506.845.294	75.506.845.294
BQL Dự án Khu Vực Các Công Trình Giao Thông Vận Tải (PMURTW)	56.832.234.121	56.832.234.121	63.077.587.700	63.077.587.700
Công ty Lotte Engineering & Construction Co., Ltd (Nhà thầu chính)	49.163.529.197	49.163.529.197	65.464.950.260	65.464.950.260
Công ty TNHH Đầu Tư BT Cam Lộ Túy Loan	17.348.483.739	17.348.483.739	30.031.620.869	30.031.620.869
Công ty Mitsui Engineering & Shipbuilding Co., Ltd-TP DA XD NM Duyên Hải 3 MR	42.410.478.838	42.410.478.838	3.733.016.623	3.733.016.623
Các đối tượng khác	167.655.057.970	167.655.057.970	161.769.871.106	161.769.871.106
Cộng	1.059.940.212.072	1.059.940.212.072	606.145.905.799	606.145.905.799
Dài hạn:				
Các khách hàng mua căn hộ tại chung cư Hạnh Phúc	453.074.384.682	453.074.384.682	203.327.013.884	203.327.013.884

(Xem tiếp trang sau)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCPĐịa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)****4.15. Thuế và các khoản phải nộp/(phải thu) Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30/06/2017 VND
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	(27.130.167.182)	259.837.119.885	264.692.879.442	(31.985.926.739)
* Thuế phát sinh	2.063.466.053	259.837.119.885	11.988.990.311	28.069.047
* Thuế được khấu trừ	-	-	249.883.526.580	-
* Thuế đầu ra vắng lai nội tỉnh	(29.193.633.235)	-	2.820.362.551	(32.013.995.786)
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	(402.334.532)	921.695.654	4.297.192.947	(3.777.831.825)
3. Thuế thu nhập cá nhân	3.113.467.689	5.689.413.682	8.637.088.004	165.793.367
4. Các loại thuế khác	-	47.148.562	4.000.000	43.148.562
5. Phí lệ phí các khoản khác	(90.647.898)	35.984.448	1.026.631	(55.690.081)
Cộng	(24.509.681.923)	266.531.362.231	277.632.187.024	(35.610.506.716)
Chi tiết như sau:				
Các loại thuế còn phải thu nhà nước	(29.686.615.665)			(35.847.517.692)
Thuế phải nộp Ngân sách	5.176.933.742			237.010.976
Cộng	(24.509.681.923)			(35.610.506.716)

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Chi phí phải trả

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Trích trước chi phí lãi vay	-	5.150.739.832
Trích trước chi phí các công trình	102.888.506.054	116.021.586.049
Các khoản trích trước khác	80.297.964.445	80.297.964.445
Cộng	183.186.470.499	201.470.290.326
Dài hạn:		
Trích trước chi phí lãi vay phải trả dài hạn	23.446.236.988	22.868.655.624

4.17. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn:		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.816.662.150	14.070.664.542
Trong đó: Phải trả khác từ bên liên quan – Xem thêm mục 4.33	-	1.050.000.000
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	36.319.971.555	31.448.100.570
Phải trả nhà nước về Quỹ đầu tư phát triển khi cổ phần hóa	71.895.276.933	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	335.744.231.413	2.220.470.744
Cộng	443.959.479.901	33.668.571.314
Trong đó: Phải trả khác từ bên liên quan – Xem thêm mục 4.33	254.170.349.413	-

4.18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê mặt bằng tại Sailling Tower.

4.19. Dự phòng phải trả dài hạn

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Công trình Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1	3.383.671.410	3.383.671.410
Công trình Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn	30.903.798.777	30.903.798.777
Công trình XD Trụ sở làm việc công an Tp.HCM	10.608.200.728	10.608.200.728
Công trình NM Nước Thủ Đức GD III - Xây Lắp	7.967.060.009	7.967.060.009
Cộng	52.862.730.924	52.862.730.924

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Ngắn hạn				
Vay ngắn hạn:				
Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Tp.HCM	609.964.747.201	376.294.608.373	313.035.172.463	546.705.311.291
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	353.618.522.963	353.618.522.963	527.384.431.842	527.384.431.842
Ngân hàng TMCP Công Thương VN	395.246.558.295	555.256.958.295	1.143.458.909.702	983.448.509.702
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	175.436.840.059	153.411.211.800	167.122.049.011	189.147.677.270
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	400.504.423	-	672.003.188	1.072.507.611
Nợ dài hạn đến hạn trả	89.764.575.520	89.764.575.520	-	-
Vay đối tượng khác	1.120.000.000	120.000.000	7.474.912.199	8.474.912.199
	1.625.551.748.461	1.528.465.876.951	2.159.147.478.405	2.256.233.349.915
Cộng				
Dài hạn				
Vay dài hạn:				
Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Tp.HCM	102.796.064.743	-	46.000.000.000	148.796.064.743
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	51.061.454.577	-	120.700.000.000	171.761.454.577
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	790.427.265.664	310.567.643.490	149.303.644.600	629.163.266.774
Ngân hàng TMCP Công thương VN	308.180.869.774	214.358.982.000	17.686.968.408	111.508.856.182
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Vay ADB)	1.315.825.872.903	2.040.358.668	-	1.313.785.514.235
	2.568.291.527.661	526.966.984.158	333.690.613.008	2.375.015.156.511
Cộng				
Tổng cộng	4.193.843.276.122	2.055.432.861.109	2.492.838.091.413	4.631.248.506.426

Tất cả các khoản vay và nợ thuê tài chính nằm trong khả năng trả nợ của Tổng Công ty và không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng được thế chấp bằng:

- Tiền gửi ký quỹ với giá trị 1.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.2.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

Địa chỉ: Số 111A Đường Pasteur, Phường Bến Nghé,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc
vào ngày 30/06/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Tài sản cố định với giá trị còn lại 1.446.511.075 VND – Xem thêm mục 4.9.
- Quyền đòi nợ phát sinh trong tương lai từ các dự án của Tổng Công ty.

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng này chịu lãi suất từ 6,1%/năm đến 7,9%/năm.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 3 năm đến 10,5 năm chịu lãi suất từ 5%/năm đến 11,2%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng các tài sản:

- Tài sản cố định hữu hình thế chấp với tổng giá trị còn lại 226.142.831.378 VND – Xem thêm mục 4.9.
- Tài sản cố định vô hình thế chấp với tổng giá trị còn lại 89.654.414.595 VND – Xem thêm mục 4.10.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai từ dự án xây dựng Khu dân cư Hạnh Phúc tại Xã Bình Hưng, Huyện Bình Chánh, TP. HCM trong tương lai – Xem thêm mục 4.12.
- Quyền sở hữu các căn hộ hình thành trong tương lai; 75 quyền thu tiền từ các hợp đồng, phụ lục hợp đồng mua bán căn hộ trong tương lai; Quyền sở hữu khai thác các công trình dịch vụ trong tương lai từ dự án xây dựng Khu dân cư Hạnh Phúc với giá trị là 347.756.456.000 VND.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai từ dự án nhà ở xã hội Khu căn hộ CC1 - Felix Homes tại đường Nguyễn Văn Dung, Phường 6, Quận Gò Vấp, TP. HCM – Xem thêm mục 4.12.
- Quyền thu tiền từ các hợp đồng, phụ lục hợp đồng mua bán căn hộ trong tương lai từ dự án nhà ở xã hội Khu căn hộ CC1 - Felix Homes với tổng giá trị được ngân hàng định giá là 272.821.000.000 VNĐ.
- Quyền thu phí tại Trạm thu phí Cầu Đổng Nai và các quyền tài sản khác theo quy định trong Hợp đồng xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) số 22/HĐ.BOT - CĐBVN ngày 16/05/2008 và các phụ lục sửa đổi bổ sung giá trị 824.037.000.000 VND.
- Quyền khai thác và sử dụng toàn bộ nguồn thu đối với cao ốc Sailing Tower tọa lạc tại 51 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM; các quyền đòi nợ khác với giá trị 727.717.653.000 VND.

Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam (Vay ADB) là khoản vay được Bộ Tài Chính ủy quyền cho Ngân hàng phát triển Việt Nam cho Tổng Công ty vay lại theo hiệp định vay số 3240 – VIE và 3242 – VIE (SF) mục đích sử dụng cho các dự án, công trình xây dựng của Tổng công ty với thời hạn 25 năm. Khoản vay chịu lãi suất LIBOR 6 tháng bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ khoản giảm trừ 0,1% và phí bảo hiểm kỳ hạn là 0,2%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng máy móc thiết bị của Công ty cổ phần xây dựng số một Việt Hưng, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất Cao ốc Central Garden của Công ty cổ phần Chương Dương và Quyền thu phí hoàn vốn của dự án BOT cầu Đổng Nai. Tuy nhiên tại thời điểm 30/06/2017 Bộ Giao Thông Vận Tải chưa có văn bản đồng ý bổ sung Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 2 là một trong ba đơn vị nhận thế chấp cùng Ngân hàng Công thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.21. Vốn chủ sở hữu

4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển VND	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	
Tại ngày 01/11/2016	1.100.000.000.000	110.497.485.118	72.479.059.968	54.633.063.344	-	1.337.609.608.430
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	4.365.632.671	4.365.632.671
Nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	(21.979.856.131)	-	(21.979.856.131)
Tại ngày 01/01/2017	1.100.000.000.000	110.497.485.118	72.479.059.968	32.653.207.213	4.365.632.671	1.319.995.384.970
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	18.838.914.627	18.838.914.627
Nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	(32.653.207.213)	(563.354.619)	(33.216.561.832)
Giảm trong kỳ	-	-	(72.479.059.968)	-	-	(72.479.059.968)
Tại ngày 30/06/2017	1.100.000.000.000	110.497.485.118	-	-	22.641.192.679	1.233.138.677.797

Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Tổng Công ty chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa và xác định phần vốn nhà nước tại ngày 1 tháng 11 năm 2016.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Vốn góp của nhà nước	445.835.000.000	445.835.000.000
Vốn góp của cổ đông chiến lược	495.000.000.000	495.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	159.165.000.000	159.165.000.000
Cộng	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000

4.21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu kỳ	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
Vốn góp tăng/giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000

4.21.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	110.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	110.000.000	110.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	110.000.000	110.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.21.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND
Tại ngày 01/01/2017	72.479.059.968	32.653.207.213
Giảm trong kỳ	(72.479.059.968)	-
Nộp về nhà nước	-	(32.653.207.213)
Tại ngày 30/06/2017	-	-

4.22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán tổng hợp

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Ngoại tệ các loại: USD	630.037	391.261

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Doanh thu thuần:		
Doanh thu hoạt động xây dựng	1.026.273.912.667	1.679.984.184.112
Doanh thu bán hàng hóa	270.075.108.260	316.092.205.701
Doanh thu bán thành phẩm	148.448.800.453	181.932.628.172
Doanh thu cung cấp dịch vụ	67.593.112.348	69.198.284.607
Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.389.652.785	17.415.825.669
Cộng	<u>1.517.780.586.513</u>	<u>2.264.623.128.261</u>
Doanh thu đối với bên liên quan – Xem thêm mục 4.33		
Các công ty con	80.724.753.854	54.042.394.780
Các công ty liên kết	947.377.018	15.726.082.458
Cộng	<u>81.672.130.872</u>	<u>69.768.477.238</u>

4.24. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Giá vốn hoạt động xây dựng	1.011.137.701.662	1.641.439.337.612
Giá vốn bán hàng hóa	255.992.766.461	297.381.799.952
Giá vốn bán thành phẩm	137.217.087.127	167.536.184.142
Giá vốn cung cấp dịch vụ	32.868.540.277	36.270.659.709
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	6.456.495.893	23.428.731.484
Cộng	<u>1.443.672.591.420</u>	<u>2.166.056.712.899</u>

4.25. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	50.595.225.956	11.456.451.257
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.204.408.027	10.149.496.576
Lãi bán hàng trả chậm	3.982.222.226	3.739.732.071
Lãi chênh lệch tỷ giá	160.159.447	17.501
Cộng	<u>69.942.015.656</u>	<u>25.345.697.405</u>

Trong đó, lãi cho vay của các bên liên quan là 33.380.944.396 VND – Xem thêm mục 4.33.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.26. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	98.848.378.947	58.363.774.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá	98.906	-
Chi phí tài chính khác	332.696.849	354.800.500
Cộng	99.181.174.702	58.718.575.321

4.27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lương nhân viên quản lý	16.837.036.625	15.859.325.678
Chi phí vật liệu quản lý	373.715.673	433.544.633
Chi phí đồ dùng văn phòng	447.652.791	336.446.425
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.900.243.447	2.018.345.375
Chi phí thuế, phí, lệ phí	130.991.575	183.684.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.657.917.969	3.892.027.041
Chi phí bằng tiền khác	12.547.068.554	9.155.840.143
Cộng	34.894.626.634	31.879.213.970

4.28. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thanh lý tài sản cố định	1.748.575.607	-
Thu tiền phạt, bồi thường vi phạm hợp đồng	335.438.800	-
Thu nhập khác	11.735.123.108	522.724.595
Cộng	13.819.137.515	522.724.595

4.29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.199.971.942	83.381.612.766
Chi phí nhân công	89.018.060.351	82.373.742.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19.054.821.923	17.768.999.983
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.391.470.051.167	1.463.978.487.700
Chi phí khác bằng tiền	33.964.800.964	35.501.158.889
Cộng	1.587.707.706.347	1.683.004.002.309

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán tổng hợp, số dư phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn:		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	56.370.371.523	-
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	28.154.912.038	29.399.107.215
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	3.348.382.708	12.929.042.391
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	645.646.131	5.189.885.533
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Sơn	-	291.275.692
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	4.891.269.363	4.891.269.363
Công ty CP Chương Dương	3.526.321	3.526.321
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cừu Long	16.950.252	778.350.205
Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	4.004.737.951	4.004.737.951
Công ty CP Xây dựng Số 14	-	1.340.685.135
	97.435.796.287	58.827.879.806
Cộng – Xem thêm mục 4.3		
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	3.550.548.660	-
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	30.159.293.094	38.447.741.269
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	629.226.557	89.228.230.303
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	61.511.671.415	17.319.249.346
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	37.157.825.015	36.857.825.015
Công ty CP Đầu tư Nhân Phúc Đức	107.784.000	102.876.000
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	320.409.642	320.409.642
Công ty CP Xây dựng & Kinh Doanh Nhà Cừu Long	-	2.714.609.963
Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	44.652.593.697	41.678.498.697
Công ty CP Xây dựng Số 14	-	43.908.070.375
	178.089.352.080	270.577.510.610
Cộng – Xem thêm mục 4.4		
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu về cho vay – Xem thêm mục 4.8		
Ngắn hạn		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	120.000.000.000	-
Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	445.827.512.310	685.827.512.310
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	25.515.980.605	25.483.219.925
Công ty CP Chương Dương	59.700.557.729	59.630.502.257
	531.044.050.644	770.941.234.492
Cộng		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải thu khác:		
Ngắn hạn		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	322.774.700	322.774.700
Công ty CP Thủy điện Đakrith	60.152.490.000	48.000.000
Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	126.542.624	126.542.624
Công ty CP Bê tông Biên Hòa	633.877.000	633.877.000
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	466.667.000	466.667.000
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Sơn	92.400.000	-
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	1.598.700.000	-
Công ty TNHH Bê Tông Đức Sẵn VINA-PSMC	3.222.560.421	-
Công ty CP Chương Dương	3.733.348.000	-
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cửu Long	305.760.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	1.047.648.821	-
Hội đồng Quản trị	400.000.000	400.000.000
	72.102.768.566	1.997.861.324
Cộng – Xem thêm mục 4.5		
Dài hạn		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	267.209.041	139.532.103
Công ty CP Thủy điện Đakrith	32.220.654.696	32.220.654.696
Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Cầu Đồng Nai	-	137.457.392
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	7.470.504.387	-
Công ty CP Chương Dương	373.367.726	-
	40.331.735.850	32.497.644.191
Cộng – Xem thêm mục 4.5		
	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả người bán:		
Ngắn hạn		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Sơn	3.584.943.623	5.538.440.744
Công ty CP XD & Kinh doanh Vật Tư	11.123.235	10.075.049
Công ty CP Chương Dương	4.059.667.733	10.589.664.300
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cửu Long	5.430.212.787	-
	13.085.947.378	16.138.180.093
Cộng – Xem thêm mục 4.13		
Dài hạn		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	23.046.022.479	21.934.427.536
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	19.659.525.503	20.226.027.239
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	2.951.998.055	2.951.998.055
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Sơn	3.728.516.087	3.923.691.845
Công ty CP XD & Kinh doanh Vật Tư	3.131.961.136	3.131.961.136
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	4.157.865.553	4.157.865.553
Công ty CP Chương Dương	773.164.780	603.546.473
Công ty CP Xây dựng & Kinh Doanh Nhà Cửu Long	344.979.256	344.979.256
Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	1.039.167.322	1.039.167.322
	58.833.200.171	58.313.664.415
Cộng – Xem thêm mục 4.13		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Phải trả khác – Xem thêm mục 4.17		
Ngắn hạn		
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh vật tư (C&T)	-	1.050.000.000
Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	254.170.349.413	-
Trong kỳ, Tổng Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng:		
Công ty CP Đầu tư Xây Dựng Số 1 Mê Kông	66.814.317.396	-
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	12.043.607.579	35.056.387.562
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	1.540.712.246	13.511.856.764
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	-	93.636.364
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Sơn	61.780.000	2.059.056.307
Công ty CP Xây dựng & Kinh Doanh Nhà Cừu Long	487.693.700	8.873.208.295
Cộng	80.948.110.921	59.594.145.292
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu xây dựng -khấu trừ thầu phụ:		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	136.235.455	1.992.147.753
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	189.881.178	3.482.002.701
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	-	19.900.489
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Sơn	13.585.323	2.464.132.438
Công ty CP XD & Kinh doanh Vật Tư	-	26.579.827
Công ty CP Chương Dương	7.370.000	1.340.729.573
Công ty CP Xây dựng & Kinh Doanh Nhà Cừu Long	376.947.995	848.839.165
Cộng	724.019.951	10.174.331.946
Tổng doanh thu bán hàng và xây dựng cho bên liên quan trong kỳ là 81.672.130.872 VND (Kỳ trước: 71.927.316.746 VND) – Xem thêm mục 4.23.		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng:		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	12.554.185.176	-
Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	2.206.565.000	11.327.394.833
Cộng	14.760.750.176	11.327.394.833

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thi công:		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	72.793.359.071	137.218.252.400
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	270.164.441.731	197.231.047.361
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Hưng	27.691.396.909	40.975.771.819
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Tổng	-	5.546.721.774
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Sơn	7.835.549.547	40.975.771.819
Công ty CP XD & Kinh doanh Vật Tư	360.484.714	9.005.472.774
Công ty CP Chương Dương	3.083.969.223	11.688.843.872
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cửu Long	51.539.069.935	58.228.828.812
Công ty CP Xây dựng và Khai thác VLXD Miền Trung	-	6.520.197.273
Cộng	433.468.271.130	507.390.907.904
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cho vay trong kỳ		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	-	718.910.181.333
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu hồi nợ cho vay		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	120.000.000.000	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi cho vay – Xem thêm mục 4.25		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	33.380.944.396	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phí quản lý cho vay		
Công ty Cổ Phần Xây dựng Số Một Việt Hưng	95.757.815	-
Công ty Cổ Phần Chương Dương	298.694.271	-
	394.452.086	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu phí Cầu Đồng Nai nộp về		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	90.579.362.916	218.312.289.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Trả lãi không kỳ hạn tiền thu phí Cầu Đồng Nai Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	211.243.890	520.643.451
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Góp vốn		
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	130.666.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Số 1 Mê Kông	40.800.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	3.621.000.000	-
	175.087.000.000	-
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi hộ cổ tức trả cho cổ đông bên ngoài Công ty CP Đầu tư và Xây dựng cầu Đồng Nai	14.155.800.000	11.796.500.000
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia:		
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Quang	1.598.700.000	1.374.980.000
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Nguyên	-	1.879.358.476
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu Đồng Nai	4.068.827.388	-
Công ty CP Thủy điện Đak'rtih	60.104.490.000	-
Công ty CP Chương Dương	3.733.348.000	3.733.348.000
Công ty CP Xây dựng & Kinh doanh Nhà Cửu Long	305.760.000	262.080.000
Công ty CP Xây dựng Số Một Việt Sơn	92.400.000	-
Cộng	69.903.525.388	7.249.766.476

Trong tổng cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ có 55.035.765.728 VND điều chỉnh giảm giá trị các khoản đầu tư do lợi nhuận này đã dùng để đánh giá tăng vốn nhà nước trong giai đoạn cổ phần hóa 31/10/2016.

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	2.898.659.000	2.450.935.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.34. Thu nhập ban kiểm soát**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương	361.271.000	217.607.000

4.35. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Tổng Công ty cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng cho thuê có kỳ hạn trung bình là 5 năm, với tiền cho thuê cố định mỗi kỳ.

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cho thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	37.512.191.656	36.503.937.797

Tại ngày 30/06/2017, Tổng Công ty có các khoản thu tiền thuê tối thiểu trong tương lai từ các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn:

	Tại ngày 30/06/2017 VND	Tại ngày 01/01/2017 VND
Từ 1 năm trở xuống	57.102.276.627	65.387.089.668
Trên 1 năm đến 5 năm	52.825.902.383	82.452.524.305
Cộng	109.928.179.010	147.839.613.973

4.36. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính tổng hợp.

4.37. Các thông tin khác

Theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 05 năm 2017, Tổng Công ty chấm dứt hoạt động Công ty Mê Kông – Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP. Theo Quyết định này, toàn bộ trách nhiệm thừa kế các quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Công ty Mê Kông – Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP sẽ chuyển giao cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 1 Mê Kông.



Trần Thị Ngọc Thủy
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2017



Huỳnh Anh Dũng
Kế toán trưởng



Lê Hữu Việt Đức
Tổng Giám đốc